

Bản án số: 75/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28-8-2023
V/v ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G, TỈNH BẠC LIÊU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ca Kiều Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thành Nhạn
- Bà Cao Thị Mỹ Phượng

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Minh Luân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Mộng Đẹp – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 361/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2023/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 59/2023/QĐ-ST ngày 11 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Mỹ D**, sinh năm 1985

Địa chỉ: Khóm A, Phường A, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

Bị đơn: Ông **Trần Văn T**, sinh năm 1986

Địa chỉ: Khóm A, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà **Trần Thị Mỹ D** trình bày: Bà **Trần Thị Mỹ D** và ông **Trần Văn T** tự nguyện chung sống từ năm 2014, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn **H** (nay là phường **H**) cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/9/2014. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do ông **T** không quan tâm chăm sóc gia đình, ông **T** nhiều lần đánh đập gây thương tích cho bà **D**. Do mâu thuẫn ngày càng gay gắt nên bà **D** đã dẫn 02 con đi nơi khác sinh sống từ năm 2020 đến nay. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn tiếp tục chung sống nên bà **D** xin ly hôn với ông **T**.

Bà **D** và ông **T** chung sống có 02 con chung tên **Trần Thị Như Q**, sinh ngày 20/4/2014 và **Trần Tuấn A**, sinh ngày 19/9/2015, hiện nay các cháu đang sống với bà **D** tại **khóm A, Phường A, thị xã G**, bà **D** yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông **T** cấp dưỡng nuôi con. Bà **D** làm nghề mua bán, thu nhập đủ đảm bảo nuôi các con, từ khi mẹ con bà **D** ra sống riêng thì bà **D** cũng phải tự nuôi con mà không có sự hỗ trợ của ông **T**. Bà **D** và ông **T** chung sống không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông **Trần Văn T** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không đến Tòa án làm việc, không có lời khai trình bày ý kiến.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà **Trần Thị Mỹ D**, cho bà **D** ly hôn với ông **T**. Giao 02 con chung tên **Trần Thị Như Q**, sinh ngày 20/4/2014 và **Trần Tuấn A**, sinh ngày 19/9/2015 cho bà **D** tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông **T**. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa nguyên đơn bà **Trần Thị Mỹ D** và ông **Trần Văn T**. Bị đơn ông **T** đang cư trú tại **Khóm A, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu** nên đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã G theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa đối với ông **Trần Văn T**, nhưng ông **T** đều vắng mặt không rõ lý do. Ông **T** đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, còn bà **D** thì có đơn xin xét xử vắng mặt.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bà **D** và ông **T** theo quy định pháp luật.

[3] Về hôn nhân: Năm 2014, bà **Trần Thị Mỹ D** và ông **Trần Văn T** tự nguyện chung sống vợ chồng, ông bà có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn **H** (nay là phường **H**), thị xã **G**, tỉnh **Bạc Liêu** cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/9/2014, nên hôn nhân của bà **D** và ông **T** là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Bà **D** xác định vợ chồng chung sống xảy ra mâu thuẫn do ông **T** không quan tâm chăm sóc gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt và hành hung bà, do mâu thuẫn ngày càng nhiều nên bà **D** đã dẫn 02 con ra sống riêng từ năm 2020 cho đến nay. Mặc khác, theo Biên bản làm việc ngày 09/8/2023, chính quyền địa phương xác định trước đây vợ chồng ông **T** và bà **D** sinh sống tại địa phương, nhưng do xảy ra mâu thuẫn gia đình nên bà **D** dẫn 02 con bỏ địa phương đi nơi khác sinh sống mấy năm nay, hiện nay chỉ còn ông **T** đang sinh sống tại địa phương. Như vậy, sự việc bà **D** và ông **T** chung sống xảy ra mâu thuẫn và đã không còn chung là đúng sự thật, phù hợp với lời khai của bà **D** cũng như tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập. Hội đồng xét xử xét thấy, bà **D** và ông **T** thực tế đã không còn chung sống, không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân giữa ông bà đã mâu thuẫn trầm trọng không có khả năng hàn gắn. Vì vậy, căn cứ vào quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, bà **D** yêu cầu được ly hôn với ông **T** là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn bà **Trần Thị Mỹ D** xác định bà và ông **Trần Văn T** chung sống có 02 con chung tên **Trần Thị Như Q**, sinh ngày 20/4/2014 và **Trần Tuấn A**, sinh ngày 19/9/2015, các cháu đang sống cùng bà **D** và bà **D** yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con, không yêu cầu cấp dưỡng, còn bị đơn ông **T** không có ý kiến trình bày đối với con chung. Hội đồng xét xử căn cứ vào giấy khai sinh bà **D** cung cấp và thông tin được chính quyền địa phương xác nhận thông qua Biên bản làm việc ngày 09/8/2023, có cơ sở xác định bà **D** và ông **T** có 02 con chung và hiện nay các con do bà **D** đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Đồng thời, tại Biên bản lấy lời khai ngày 26/7/2023, cháu **Q** và cháu **Tuấn A** đều có nguyện vọng muốn sống chung với bà **D**. Do đó, để đảm bảo cuộc sống của cháu **Q** và cháu **Tuấn A** được ổn định và theo nguyện vọng của các cháu thì cần giao các cháu cho bà **D** tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Bà **D** không yêu cầu ông **T** cấp dưỡng nuôi con nên tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông **T**. Về tài sản chung và nợ chung, bà **D** xác định không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết và Tòa án cũng không nhận được ý kiến, yêu cầu của ông **T** về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí: Bà **Trần Thị Mỹ D** là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã **G** tại phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà **Trần Thị Mỹ D** đối với ông **Trần Văn T**. Cho bà **Trần Thị Mỹ D** được ly hôn ông **Trần Văn T**.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên **Trần Thị Như Q**, sinh ngày 20/4/2014 và **Trần Tuấn A**, sinh ngày 19/9/2015 cho bà **Trần Thị Mỹ D** trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của ông **Trần Văn T**.

Ông **Trần Văn T** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà **Trần Thị Mỹ D** xác định không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết và ông **Trần Văn T** không có ý kiến, yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà **Trần Thị Mỹ D** phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà **D** đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0014877 ngày 10/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã G, nay được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND Tx. G;
- **Chi cục THADS Tx. G;**
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ca Kiều Nguyệt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

